

DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC ĐỢT 1, NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
1	TD310	Bùi Trúc Linh	15/03/1999	Nữ	Công nghệ (KTCN) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		93		93	Trúng tuyển	
2	TD838	Huỳnh Thị Tuyết Anh	19/05/1990	Nữ	Công nghệ (KTCN) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		91.5		91.5	Trúng tuyển	
3	TD501	Mai Thị Hồng Uyên	12/08/1987	Nữ	Công nghệ (KTCN) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		91		91	Trúng tuyển	
4	TD301	Chu Hoàng Hà	18/07/1989	Nữ	Công nghệ (KTCN) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		87		87	Trúng tuyển	
5	TD306	Trần Thành Long	26/07/2000	Nam	Công nghệ (KTCN) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		72		72	Trúng tuyển	
6	TD1102	Nguyễn Anh Lựu	01/01/1987	Nữ	Công nghệ (KTCN) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
7	TD1113	Phạm Thị Thanh Tâm	12/01/1973	Nữ	Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin hạng III, mã số: V.11.06.14)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
8	TD856	Bùi Khánh Hưng	22/02/1998	Nam	Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin hạng IV, mã số: V.11.06.15)		80		80	Trúng tuyển	
9	TD588	Trịnh Thục Bích	28/12/1994	Nữ	Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin hạng IV, mã số: V.11.06.15)		75		75	Trúng tuyển	
10	TD839	Nguyễn Hoàng Lâm	20/02/2000	Nam	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		76.5		76.5	Trúng tuyển	
11	TD836	Hà Quế Hương	24/02/2001	Nữ	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		73.5		73.5	Trúng tuyển	
12	TD671	Đặng Thị Kiều Diễm	19/11/2001	Nữ	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		69.5		69.5	Trúng tuyển	
13	TD847	Phạm Mai Thanh Trúc	31/01/2001	Nữ	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		69.5		69.5	Trúng tuyển	
14	TD1147	Hồ Thị Ngọc Hương	19/06/1984	Nữ	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		67.5		67.5	Trúng tuyển	
15	TD1077	Vương Thị Kim Ngân	10/11/1997	Nữ	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		49.5		49.5	Không trúng tuyển	
16	TD20	Nguyễn Trung Quốc	30/06/1998	Nam	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		39		39	Không trúng tuyển	
17	TD532	Nguyễn Ngọc Thiên Bảo	05/10/2001	Nam	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		85.5		85.5	Trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
18	TD1056	Trần Hoàng Huy	11/07/2001	Nam	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		82		82	Trúng tuyển	
19	TD813	Hồ Thanh Chí	25/03/2000	Nam	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		81		81	Trúng tuyển	
20	TD870	Lại Hoàng Thanh Thảo	01/01/1997	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		73.5		73.5	Trúng tuyển	
21	TD706	Lâm Thúy Vy	19/05/1997	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		72		72	Trúng tuyển	
22	TD517	Nguyễn Ngọc Kim Thoa	29/02/1992	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		71		71	Trúng tuyển	
23	TD890	Trịnh Thanh Tùng	14/07/2001	Nam	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		70		70	Trúng tuyển	
24	TD1148	Lê Thị Thùy Trang	18/09/2001	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		61		61	Trúng tuyển	
25	TD489	Phan Thu Trang	21/01/1998	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		60		60	Trúng tuyển	
26	TD1082	Lê Huỳnh Ngọc Linh	19/11/2001	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		59		59	Trúng tuyển	
27	TD28	Nguyễn Ngọc Thanh Dân	08/09/1992	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		55		55	Trúng tuyển	
28	TD745	Nguyễn Hùng Huy	06/05/1996	Nam	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		53		53	Không trúng tuyển	
29	TD387	Phạm Thị Kim Tuyền	07/03/1993	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
30	TD677	Trần Văn Xuân	04/12/1999	Nam	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		90.5		90.5	Trúng tuyển	
31	TD597	Hồ Thị Khánh	10/02/1998	Nữ	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		85.5		85.5	Trúng tuyển	
32	TD986	Nguyễn Hoàng Tuấn	23/07/1996	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	3	88	2.5	90.5	Trúng tuyển	
33	TD311	Phạm Đăng Khoa	03/04/1996	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		88.5		88.5	Trúng tuyển	
34	TD196	Nguyễn Hoàng Phú Nghị	08/05/1994	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	3	85.5	2.5	88	Trúng tuyển	
35	TD321	Nguyễn Trần Ngọc Dung	20/09/2000	Nữ	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		85.5		85.5	Trúng tuyển	
36	TD343	Nguyễn Chí Tài	31/01/2000	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		84		84	Trúng tuyển	
37	TD18	Nguyễn Ngọc Tín	06/12/1985	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		78		78	Trúng tuyển	
38	TD623	Bùi Hữu Phúc	03/10/1990	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		76.5		76.5	Trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
39	TD770	Kim Xuân Tiến	21/12/1993	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	71	5	76	Trúng tuyển	
40	TD636	Võ Nguyễn Hải Đăng	07/12/1996	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		74		74	Trúng tuyển	
41	TD714	Nguyễn Minh Hưng	09/05/1998	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	3	71	2.5	73.5	Trúng tuyển	
42	TD1116	Vũ Quốc Quang	16/03/2001	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		72		72	Trúng tuyển	
43	TD258	Nguyễn Hoàng Minh	01/11/1988	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		71.5		71.5	Trúng tuyển	
44	TD367	Nguyễn Trương Ngọc Vy	30/08/1997	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		60.5		60.5	Trúng tuyển	
45	TD382	Hoàng Vũ Trọng Khôi	18/09/1987	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		34		34	Không trúng tuyển	
46	TD987	Nguyễn Huỳnh Lộc	23/02/1996	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		26		26	Không trúng tuyển	
47	TD409	Nguyễn Đức Hồng Quân	21/06/2000	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
48	TD286	Võ Việt Trung	26/07/1999	Nam	Giáo vụ (Nhân viên Giáo vụ, mã số: V.07.07.21)		76		76	Trúng tuyển	
49	TD739	Đỗ Hiền Như	11/08/2000	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	94	5	99	Trúng tuyển	
50	TD529	Nguyễn Thị Khiết Tâm	26/01/1989	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		84.5		84.5	Trúng tuyển	
51	TD1169	Nguyễn Thị Thanh Hằng	24/09/1996	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		84		84	Trúng tuyển	
52	TD943	Nguyễn Thị Luyến	06/01/2000	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		79.5		79.5	Không trúng tuyển	
53	TD1167	Trần Văn Hoà	18/01/1985	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		77.5		77.5	Không trúng tuyển	
54	TD934	Phạm Hoàng Ánh Tuyết	06/09/1993	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		76		76	Không trúng tuyển	
55	TD1180	Lê Mỹ Duyên	19/11/1994	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		74.5		74.5	Không trúng tuyển	
56	TD972	Nguyễn Đăng Khoa	17/10/1985	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		73.5		73.5	Không trúng tuyển	
57	TD1153	Võ Thị Thiên Kim	06/04/1997	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		72.5		72.5	Không trúng tuyển	
58	TD766	Ngô Hoàng Thịnh	16/11/1996	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		70		70	Không trúng tuyển	
59	TD1126	Huỳnh Văn Toàn	26/09/1995	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		69.5		69.5	Không trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
60	TD574	Nguyễn Hồng Huynh	01/04/1994	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		67		67	Không trúng tuyển	
61	TD957	Lâm Minh Tường	12/11/1976	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		65.5		65.5	Không trúng tuyển	
62	TD1281	Nguyễn Thị Minh Thu	01/12/1995	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		65.5		65.5	Không trúng tuyển	
63	TD975	Nguyễn Thị Ngọc Nương	11/05/1997	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		64		64	Không trúng tuyển	
64	TD437	Nguyễn Thị Thu Thương	16/10/1997	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		63.5		63.5	Không trúng tuyển	
65	TD520	Nguyễn Thị Thu Phương	13/12/1999	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		63.5		63.5	Không trúng tuyển	
66	TD590	Phạm Thị Ngân Phụng	15/03/2001	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		63.5		63.5	Không trúng tuyển	
67	TD206	Lê Chí Hiên Đạt	05/12/1998	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		62.5		62.5	Không trúng tuyển	
68	TD1187	Nguyễn Tiến Đạt	06/04/1992	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		61.5		61.5	Không trúng tuyển	
69	TD1208	Phạm Hoàng Yên	07/07/2000	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		57.5		57.5	Không trúng tuyển	
70	TD662	Nguyễn Thị Phương Anh	24/02/1998	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		56.5		56.5	Không trúng tuyển	
71	TD1046	Trịnh Thanh Ngoan	09/08/1994	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		55.5		55.5	Không trúng tuyển	
72	TD246	Nguyễn Kỳ Hoàng Long	30/10/1999	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		54		54	Không trúng tuyển	
73	TD1212	Đặng Thị Kim Ngoan	18/09/1995	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		54		54	Không trúng tuyển	
74	TD1193	Trần Nguyễn Hoàng Vương	20/02/1996	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		52.5		52.5	Không trúng tuyển	
75	TD733	Liêu Huỳnh Như	08/12/1999	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		52		52	Không trúng tuyển	
76	TD1026	Nguyễn Thị Tiếng	12/02/1992	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50.5		50.5	Không trúng tuyển	
77	TD1160	Trần Sơn Kiệt	28/11/1999	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50		50	Không trúng tuyển	
78	TD765	Nguyễn Thị Minh Phụng	22/11/1999	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		49		49	Không trúng tuyển	
79	TD898	Phan Thị Tuyết Nhi	23/11/2001	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		49		49	Không trúng tuyển	
80	TD768	Từ Cẩm Vinh	07/11/1990	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	42.5	5	47.5	Không trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
81	TD1168	Đỗ Anh Khuê	02/11/1992	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		45.5		45.5	Không trúng tuyển	
82	TD1097	Lê Thị Quỳnh Như	02/10/1996	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		45		45	Không trúng tuyển	
83	TD779	Nguyễn Mạnh Đức	18/07/1996	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		44		44	Không trúng tuyển	
84	TD1172	Mai Quốc Thảo	26/12/1992	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		44		44	Không trúng tuyển	
85	TD1210	Lương Văn Hùng	01/02/1992	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		44		44	Không trúng tuyển	
86	TD1165	Nguyễn Thế Hải	13/12/2001	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		42.5		42.5	Không trúng tuyển	
87	TD711	Vương Thanh Toàn	01/12/1988	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		42		42	Không trúng tuyển	
88	TD723	Bùi Vũ Tài	07/02/2000	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		42		42	Không trúng tuyển	
89	TD982	Khiếu Mạnh Cường	11/09/1991	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		42		42	Không trúng tuyển	
90	TD639	Huỳnh Phúc Hòa Thuận	31/08/2000	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		40		40	Không trúng tuyển	
91	TD234	Hàng Thị Anh Hưng	10/06/1991	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
92	TD1156	Trần Thị Bé Thanh	04/01/1997	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
93	TD304	Nguyễn Thị Mỹ Diệu	15/02/1992	Nữ	Kế toán (Kế toán viên trung cấp, mã số: 06.032)		83		83	Trúng tuyển	
94	TD840	Nguyễn Thị Minh Thu	15/04/1992	Nữ	Kế toán (Kế toán viên, mã số: 06.031)		88		88	Trúng tuyển	
95	TD1108	Huỳnh Minh Hải	29/08/1981	Nam	Kế toán (Kế toán viên, mã số: 06.031)		78.5		78.5	Trúng tuyển	
96	TD355	Trần Thị Ánh	23/08/1991	Nữ	Kế toán (Kế toán viên, mã số: 06.031)	2	68.5	5	73.5	Trúng tuyển	
97	TD719	Hồ Thị Quỳnh Hương	10/02/1988	Nữ	Kế toán (Kế toán viên, mã số: 06.031)		63.5		63.5	Trúng tuyển	
98	TD749	Đoàn Thị Tuyết Lan	15/05/1987	Nữ	Kế toán (Kế toán viên, mã số: 06.031)		63		63	Trúng tuyển	
99	TD1269	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	02/03/1980	Nữ	Kế toán (Kế toán viên, mã số: 06.031)	2	54.5	5	59.5	Trúng tuyển	
100	TD577	Phạm Trần Thủy Tiên	29/10/1992	Nữ	Kế toán (Kế toán viên, mã số: 06.031)		53.5		53.5	Trúng tuyển	
101	TD1107	Nguyễn Anh Khoa	19/05/1998	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		75		75	Trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
102	TD971	Hoàng Thị Thanh Tâm	07/11/1997	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		70		70	Trúng tuyển	
103	TD1106	Khê Thị Thu Thủy	28/09/1994	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	65	5	70	Trúng tuyển	
104	TD1091	Nguyễn Trần Đông Duy	24/11/1995	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		65		65	Trúng tuyển	
105	TD556	Huỳnh Lý Ngọc Diễm	10/01/2001	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		64		64	Trúng tuyển	
106	TD889	Trần Phương Ngọc	18/07/2001	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		63		63	Trúng tuyển	
107	TD362	Trần Thị Huyền Trân	08/06/1992	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		60		60	Trúng tuyển	
108	TD631	Bùi Văn Phú	22/09/1999	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		60		60	Trúng tuyển	
109	TD1192	Phạm Văn Tùng Em	01/01/1985	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	3	51	2.5	53.5	Trúng tuyển	
110	TD1272	Đàm Ngọc Phương Mai	08/01/1990	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		52		52	Trúng tuyển	
111	TD434	Đỗ Thị Ngọc Như	09/10/2001	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		51		51	Trúng tuyển	
112	TD968	Nguyễn Thị Cẩm Vân	19/04/1997	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		41		41	Không trúng tuyển	
113	TD1227	Phạm Thị Luán	26/12/1989	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		37		37	Không trúng tuyển	
114	TD1268	Lê Khuru Thư Anh	20/03/1986	Nữ	Mỹ thuật (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		78.5		78.5	Trúng tuyển	
115	TD670	Nguyễn Thị Quỳnh Như	07/02/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		91.5		91.5	Trúng tuyển	
116	TD1071	Nguyễn Ngọc Anh Thư	11/01/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		90		90	Trúng tuyển	
117	TD638	Nguyễn Thị Nguyệt Niên	16/02/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		89.5		89.5	Trúng tuyển	
118	TD999	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	14/02/1997	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		88		88	Trúng tuyển	
119	TD621	Lê Hà Duyên	26/10/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		85		85	Trúng tuyển	
120	TD923	Lê Phát Tài	04/02/2000	Nam	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		85		85	Trúng tuyển	
121	TD1278	Phạm Thị Kiều Tiên	11/11/1997	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		85		85	Trúng tuyển	
122	TD1238	Lương Thùy Minh Trang	29/11/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	78	5	83	Trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
123	TD40	Nguyễn Thanh Ngân	11/05/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		81		81	Trúng tuyển	
124	TD406	Nguyễn Thị Thúy Liễu	27/02/1998	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		81		81	Trúng tuyển	
125	TD427	Nguyễn Tô Quyên	27/09/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		81		81	Trúng tuyển	
126	TD390	Phan Vũ Thập Nhân	12/12/1999	Nam	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		80		80	Trúng tuyển	
127	TD625	Trần Huỳnh Tâm Anh	06/06/2001	Nam	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		80		80	Trúng tuyển	
128	TD1194	Lê Hồng Hân Nhiên	15/08/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		79		79	Trúng tuyển	
129	TD369	Trần Thị Ngọc Huyền	31/08/1997	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		78		78	Trúng tuyển	
130	TD582	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	11/02/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		78		78	Trúng tuyển	
131	TD1128	Trương Thị Kiều Hoa	14/12/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		78		78	Trúng tuyển	
132	TD17	Nguyễn Thị Phương Thảo	21/08/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		75		75	Trúng tuyển	
133	TD689	Nguyễn Huỳnh Tường Vi	22/04/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		74.5		74.5	Trúng tuyển	
134	TD221	Tăng Thanh Trục	04/05/2001	Nam	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		74		74	Trúng tuyển	
135	TD1215	Huỳnh Hương Lê	25/04/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		73		73	Trúng tuyển	
136	TD353	Nguyễn Thị Ngọc Thuận	12/07/1998	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		72		72	Trúng tuyển	
137	TD1223	Lại Bích Chi	19/11/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		71		71	Trúng tuyển	
138	TD1255	Nguyễn Thị Song Hương	02/01/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		71		71	Trúng tuyển	
139	TD551	Nguyễn Thị Sơn Tuyền	26/09/1996	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		65.5		65.5	Trúng tuyển	
140	TD1004	Phạm Thị Ngọc Hân	15/09/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		65		65	Trúng tuyển	
141	TD911	Nghiêm Thị Trang	01/05/1997	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		60.25		60.25	Trúng tuyển	
142	TD703	Hách Thị Thu Quỳnh	10/06/1999	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		58.75		58.75	Trúng tuyển	
143	TD478	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	29/08/1995	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		58		58	Trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
144	TD531	Nguyễn Hồng Lê	24/04/1996	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		58		58	Trúng tuyển	
145	TD616	Nguyễn Thị Nhuận	12/11/1998	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		54		54	Trúng tuyển	
146	TD833	Huỳnh Yến Nhi	13/02/1999	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		51.25		51.25	Trúng tuyển	
147	TD826	Ngô Trần Xuân Hạnh	18/02/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		45.75		45.75	Không trúng tuyển	
148	TD824	Nguyễn Linh Hoàng Vy	19/05/1994	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		45.5		45.5	Không trúng tuyển	
149	TD1050	Nguyễn Thuý Vy	29/01/1999	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		44		44	Không trúng tuyển	
150	TD416	Trương Hiền Thương	23/06/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
151	TD1216	Phan Đình Anh Khoa	15/10/2000	Nam	Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		75		75	Trúng tuyển	
152	TD1027	Nguyễn Thái Minh Châu	30/11/2000	Nữ	Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		71		71	Trúng tuyển	
153	TD973	Đặng Thị Thanh Thoi	01/07/1986	Nữ	Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	52	5	57	Không trúng tuyển	
154	TD640	Nguyễn Hồng Diễm	22/07/2000	Nữ	Thư Viện (Thư viện viên hạng III, mã số: V.10.02.06)		88.5		88.5	Trúng tuyển	
155	TD144	Nguyễn Thị Hồng	02/11/1996	Nữ	Thư Viện (Thư viện viên hạng III, mã số: V.10.02.06)		83		83	Trúng tuyển	
156	TD903	Chung Ngọc Thẩm	24/02/1983	Nữ	Thư Viện (Thư viện viên hạng III, mã số: V.10.02.06)		67		67	Trúng tuyển	
157	TD191	Trần Huỳnh Trang Thư	22/10/1995	Nữ	Thư Viện (Thư viện viên hạng IV, mã số: V.10.02.07)		83.25		83.25	Trúng tuyển	
158	TD707	Trần Thị Thu Hiền	19/10/1986	Nữ	Thư Viện (Thư viện viên hạng IV, mã số: V.10.02.07)		53		53	Trúng tuyển	
159	TD1005	Chung Nguyễn Anh Minh	06/08/1994	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		90		90	Trúng tuyển	
160	TD402	Trần Nguyễn Trâm Anh	05/12/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		89.5		89.5	Trúng tuyển	
161	TD290	Vũ Đức Phương Trang	16/01/1997	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		88.5		88.5	Trúng tuyển	
162	TD888	Huỳnh Thị Thảo Trang	28/08/1998	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		88.5		88.5	Trúng tuyển	
163	TD702	Huỳnh Anh Du	30/12/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		88		88	Trúng tuyển	
164	TD1239	Trương Bá Bình Phương	03/03/2001	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		87		87	Trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
165	TD90	Lê Thiện Phước	20/10/1979	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		85		85	Trúng tuyển	
166	TD686	Huỳnh Phạm Hồng Minh	14/06/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		85		85	Trúng tuyển	
167	TD1088	Huỳnh Ngọc Mai Phương	14/02/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		84.5		84.5	Trúng tuyển	
168	TD1259	Nguyễn Đào Minh Ngọc	01/06/2000	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		84		84	Trúng tuyển	
169	TD1076	Lê Nguyễn Hoàng Yến	27/01/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		83.5		83.5	Trúng tuyển	
170	TD993	Huỳnh Thanh Tuấn	26/11/1994	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		83		83	Trúng tuyển	
171	TD1022	Võ Trần Quỳnh Như	01/03/1998	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		83		83	Trúng tuyển	
172	TD1263	Trần Hà Nam	27/08/2001	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		82.5		82.5	Trúng tuyển	
173	TD1222	Ngô Bội Linh	17/11/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	76.5	5	81.5	Trúng tuyển	
174	TD1254	Trần Hồng Điệp	05/08/1990	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		81.5		81.5	Trúng tuyển	
175	TD449	Trần Thị Tường Vi	07/08/1999	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		81		81	Trúng tuyển	
176	TD789	Nguyễn Minh Hân	19/06/2000	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		81		81	Trúng tuyển	
177	TD1002	Hồ Ngọc Trân	03/10/1997	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		81		81	Trúng tuyển	
178	TD992	Trần Kiến Trang	25/12/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		80.5		80.5	Trúng tuyển	
179	TD978	Nguyễn Mạnh Nhân	11/01/1994	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		80		80	Trúng tuyển	
180	TD1014	Trương Ngọc Anh	14/04/1997	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		80		80	Trúng tuyển	
181	TD687	Lê Thị Quỳnh Nga	28/07/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		79		79	Trúng tuyển	
182	TD754	Nguyễn Phúc Trung	30/11/2000	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		76.5		76.5	Trúng tuyển	
183	TD1270	Huỳnh Thị Diệu Hương	12/04/1992	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		76.5		76.5	Trúng tuyển	
184	TD871	Đặng Vĩnh Sâm	12/08/2001	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	71	5	76	Trúng tuyển	
185	TD884	Dương Trung Quân	29/10/2000	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		76		76	Trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
186	TD526	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	20/03/1993	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		74		74	Trúng tuyển	
187	TD849	Hứa Trần Kim Thư	14/06/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		74		74	Trúng tuyển	
188	TD632	Châu Phú Vĩnh Sang	27/10/2001	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		74		74	Không trúng tuyển	
189	TD667	Đỗ Thanh Hải	04/08/1984	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		73.5		73.5	Không trúng tuyển	
190	TD275	Nguyễn Ngọc Anh Thư	30/09/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		73		73	Không trúng tuyển	
191	TD595	Đặng Thị Thủy Tiên	19/08/2000	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		73		73	Không trúng tuyển	
192	TD1246	Hà Duy Thiên Bảo	27/05/2001	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		73		73	Không trúng tuyển	
193	TD439	Trần Diễm Thy	05/04/1996	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		72		72	Không trúng tuyển	
194	TD525	Võ Thị Linh	10/04/1988	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		71		71	Không trúng tuyển	
195	TD914	Nguyễn Thị Thanh Trâm	11/08/1999	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		71		71	Không trúng tuyển	
196	TD1207	Trần Phương Uyên	01/05/2000	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		70.5		70.5	Không trúng tuyển	
197	TD347	Trần Phương Trúc	04/12/2000	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		70		70	Không trúng tuyển	
198	TD918	Phạm Tuấn An	12/07/1995	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		70		70	Không trúng tuyển	
199	TD1068	Lê Nguyễn Tường Vy	11/06/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		70		70	Không trúng tuyển	
200	TD910	Trần Thụy Ý Vi	11/01/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		69.5		69.5	Không trúng tuyển	
201	TD1189	Nguyễn Đào Thục Đoan	02/01/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		69.5		69.5	Không trúng tuyển	
202	TD1154	Bùi Thị Huyền	20/01/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		69		69	Không trúng tuyển	
203	TD851	Trần Ngọc Diễm Quỳnh	05/06/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		68		68	Không trúng tuyển	
204	TD886	Lê Minh Tú Anh	16/11/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		68		68	Không trúng tuyển	
205	TD1190	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	16/10/1996	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		68		68	Không trúng tuyển	
206	TD676	Nguyễn Thanh Xuân	02/01/2000	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		67		67	Không trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
207	TD747	Phạm Huỳnh Mỹ Phương	21/05/1998	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		67		67	Không trúng tuyển	
208	TD820	Phạm Thị Cẩm Tú	19/06/1997	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		67		67	Không trúng tuyển	
209	TD893	Nguyễn Thị Kim Liên	19/02/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		67		67	Không trúng tuyển	
210	TD1028	Nguyễn Hồ Bảo Trân	02/10/1999	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		67		67	Không trúng tuyển	
211	TD1276	Hoàng Thị Kim Dung	11/10/1992	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		67		67	Không trúng tuyển	
212	TD514	Cao Huỳnh Khánh Linh	09/11/1997	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		66		66	Không trúng tuyển	
213	TD795	Nguyễn Vũ Lâm	10/09/1989	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		66		66	Không trúng tuyển	
214	TD522	Trần Sang	12/06/1991	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		65.5		65.5	Không trúng tuyển	
215	TD853	Nguyễn Xuân Minh Hải	21/07/2001	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		64		64	Không trúng tuyển	
216	TD404	Phùng Gia Long	03/04/2000	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		63		63	Không trúng tuyển	
217	TD887	Phan Thị Hồng Minh	11/02/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		62.5		62.5	Không trúng tuyển	
218	TD294	Nguyễn Thị Ngọc Hải	23/04/1997	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		61		61	Không trúng tuyển	
219	TD500	Hàn Thanh Hằng	11/11/1993	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		60		60	Không trúng tuyển	
220	TD596	Nguyễn Thế Hiền	01/04/1995	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		59		59	Không trúng tuyển	
221	TD1093	Nguyễn Anh Thư	25/05/2000	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		59		59	Không trúng tuyển	
222	TD1183	Lê Phạm Khánh Linh	22/06/1998	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		59		59	Không trúng tuyển	
223	TD365	Vũ Tuấn Đạt	03/10/1996	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		58.5		58.5	Không trúng tuyển	
224	TD46	Nguyễn Thành Thông	19/07/2001	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		57		57	Không trúng tuyển	
225	TD231	Nguyễn Thị Trúc Linh	26/01/1989	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		57		57	Không trúng tuyển	
226	TD728	Huỳnh Ngọc Vân An	12/05/1997	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		57		57	Không trúng tuyển	
227	TD1035	Nguyễn Thị Hoài An	30/04/1998	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		56.5		56.5	Không trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
228	TD704	Lê Thị Xuân Tâm	30/05/1993	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		55		55	Không trúng tuyển	
229	TD1036	Nguyễn Hồng Hạnh	27/05/1997	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		55		55	Không trúng tuyển	
230	TD862	Bùi Thị Khánh Hòa	01/12/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		53.5		53.5	Không trúng tuyển	
231	TD1141	Trần Minh Đức	10/04/1998	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		52.5		52.5	Không trúng tuyển	
232	TD42	Nguyễn Mỹ Linh	16/03/1994	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		52		52	Không trúng tuyển	
233	TD237	Nguyễn Thị Phượng Liên	07/05/1989	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		51		51	Không trúng tuyển	
234	TD602	Hứa Kim Lân	24/02/1997	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		51		51	Không trúng tuyển	
235	TD863	Phạm Thanh Hoài	30/11/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		51		51	Không trúng tuyển	
236	TD869	Hoàng Quế Phương	25/05/1997	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50		50	Không trúng tuyển	
237	TD880	Nguyễn Quế Hương	17/11/1998	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50		50	Không trúng tuyển	
238	TD1206	Kiều Võ Ngọc Thảo	16/01/1986	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		47		47	Không trúng tuyển	
239	TD600	Đoàn Thị Bích Nga	09/05/1985	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	39	5	44	Không trúng tuyển	
240	TD1174	Trần Minh Khánh	11/02/1999	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		44		44	Không trúng tuyển	
241	TD634	Lê Thy Hạnh	28/09/1996	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		43.5		43.5	Không trúng tuyển	
242	TD852	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	18/08/1999	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	38	5	43	Không trúng tuyển	
243	TD557	Nguyễn Văn Nhi	19/01/1978	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		42.5		42.5	Không trúng tuyển	
244	TD493	Mai Thị Kim Cương	15/08/1998	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		38		38	Không trúng tuyển	
245	TD372	Bành Phương Thảo	20/08/1993	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		30		30	Không trúng tuyển	
246	TD882	Nguyễn Huỳnh Bảo Trân	02/12/1976	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		30		30	Không trúng tuyển	
247	TD352	Võ Thị Thanh Vân	28/02/1994	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		29		29	Không trúng tuyển	
248	TD341	Nguyễn Thị Thu Hương	16/09/1983	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		20		20	Không trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
249	TD323	Phan Thị Ngọc Diệp	12/03/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
250	TD673	Nguyễn Lê Thủy Tiên	06/01/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
251	TD788	Trần Thị Lan Hương	08/06/1998	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
252	TD936	Hoàng Thị Thu Phương	09/04/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
253	TD981	Cao Trần Mai Chi	09/05/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
254	TD1185	Nguyễn Hoàng Lan Anh	12/01/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
255	TD494	Huỳnh Thị Ngọc Yến	26/08/1996	Nữ	Tiếng Pháp (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		91		91	Trúng tuyển	
256	TD845	Nguyễn Lê Thanh	15/12/1995	Nam	Tiếng Pháp (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		53		53	Không trúng tuyển	
257	TD401	Hà Nam Khánh Giao	03/12/1996	Nữ	Tiếng Pháp (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
258	TD1105	Phạm Khánh Vy	15/07/1999	Nữ	Tiếng Pháp (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
259	TD626	Nguyễn Nhật Anh	30/11/1997	Nữ	Tiếng Trung (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		62		62	Trúng tuyển	
260	TD729	Nguyễn Đắc Minh Trang	19/11/2001	Nữ	Tiếng Trung (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		47		47	Không trúng tuyển	
261	TD1012	Phan Hoàng Phúc	23/05/1992	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		88.5		88.5	Trúng tuyển	
262	TD236	Vũ Thị Soan	08/12/1990	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		86.5		86.5	Trúng tuyển	
263	TD254	Đoàn Thị Bích Tuyền	22/02/2000	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		86.5		86.5	Trúng tuyển	
264	TD388	Đỗ Thị Tươi	05/01/1990	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		86.5		86.5	Trúng tuyển	
265	TD1139	Trần Trung Hậu	30/03/2001	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		85		85	Trúng tuyển	
266	TD1143	Nguyễn Đình Nhật Hoàng	07/09/2001	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		84		84	Trúng tuyển	
267	TD490	Phan Thị Ánh Hằng	28/10/1989	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		82		82	Trúng tuyển	
268	TD1144	Nguyễn Nhựt Quang	24/09/2001	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		82		82	Trúng tuyển	
269	TD1132	Võ Anh Khoa	02/09/2001	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		79.5		79.5	Trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
270	TD226	Nguyễn Việt Vĩ Khang	19/04/2001	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		77		77	Trúng tuyển	
271	TD591	Nguyễn Thành Long	24/12/1998	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	3	74	2.5	76.5	Trúng tuyển	
272	TD558	Lê Minh Thuận	10/02/1993	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		75		75	Trúng tuyển	
273	TD307	Trần Thảo Vy	09/11/1998	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		74		74	Trúng tuyển	
274	TD726	Hà Văn Lợi	26/02/1995	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		71.5		71.5	Trúng tuyển	
275	TD1075	Nguyễn Minh Thư	01/08/2001	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		71.5		71.5	Trúng tuyển	
276	TD248	Nguyễn Phú Thanh Nhân	17/09/1999	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		68		68	Trúng tuyển	
277	TD1256	Nguyễn Thành Luân	08/03/1995	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		67		67	Trúng tuyển	
278	TD1000	Phan Sơn Bảo	15/11/1992	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		65		65	Trúng tuyển	
279	TD1195	Vũ Ngọc Hải Hà	09/09/2001	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		88.5		88.5	Trúng tuyển	
280	TD447	Hứa Nhật Hoài	05/02/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		87		87	Trúng tuyển	
281	TD253	Trương Huỳnh Phương	14/03/1997	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		85		85	Trúng tuyển	
282	TD935	Hồ Dương Khánh Vy	09/08/2001	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		84		84	Trúng tuyển	
283	TD827	Trương Hoàng Lộc	20/09/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		82		82	Trúng tuyển	
284	TD801	Võ Thành Tài	28/08/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		80		80	Trúng tuyển	
285	TD738	Nguyễn Phan Ngọc Minh	03/03/2001	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		79.5		79.5	Trúng tuyển	
286	TD772	Nguyễn Tứ Đình Trí	13/04/1990	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		79		79	Trúng tuyển	
287	TD555	Nguyễn Anh Khoa	23/04/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		78.5		78.5	Trúng tuyển	
288	TD873	Phan Đoàn Phước Thịnh	17/09/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		77.5		77.5	Trúng tuyển	
289	TD1023	Lê Nguyễn Trúc Anh	04/11/1996	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		77.5		77.5	Trúng tuyển	
290	TD774	Nguyễn Trần Phong	04/10/1989	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		77		77	Trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
291	TD1170	Nguyễn Trần Đình Khải	11/03/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		76		76	Trúng tuyển	
292	TD901	Trần Ngọc Hồng Loan	02/03/1999	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		75.5		75.5	Trúng tuyển	
293	TD1054	Lưu Nguyễn Thanh Vy	08/01/1998	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		75.5		75.5	Trúng tuyển	
294	TD202	Nguyễn Ánh Hồng Quỳnh	22/06/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		75		75	Trúng tuyển	
295	TD278	Lương Anh Nhật	20/03/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		75		75	Trúng tuyển	
296	TD335	Nguyễn Minh Huy	14/04/1997	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		74.5		74.5	Trúng tuyển	
297	TD601	Mai Đỗ Thúy Uyển	01/09/1997	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		74.5		74.5	Trúng tuyển	
298	TD735	Trần Lê Vĩnh Phúc	15/01/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		74		74	Trúng tuyển	
299	TD970	Tư Đô Nguyên	01/07/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		74		74	Trúng tuyển	
300	TD338	Võ Thị Thuỷ Tiên	22/05/1996	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		73.5		73.5	Trúng tuyển	
301	TD364	Trần Đình Hiễn	30/07/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		73.5		73.5	Trúng tuyển	
302	TD462	Đặng Thị Thục Quyên	29/12/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		73		73	Trúng tuyển	
303	TD785	Trương Hoài Trung	01/08/1982	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		72.5		72.5	Trúng tuyển	
304	TD1196	Quách Thị Hồng	10/09/1995	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		72.5		72.5	Trúng tuyển	
305	TD872	Huỳnh Tuấn Anh	12/05/1993	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		72.5		72.5	Không trúng tuyển	
306	TD1161	Trần Thị Ngọc Hương	29/07/1998	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		72		72	Không trúng tuyển	
307	TD399	Võ Như Quỳnh	26/05/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		71		71	Không trúng tuyển	
308	TD475	Vũ Thị Thu Hà	04/09/1998	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		71		71	Không trúng tuyển	
309	TD507	Lê Thị Yến Nhi	19/01/1993	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		71		71	Không trúng tuyển	
310	TD1079	Nguyễn Thị Thu Trang	23/06/1991	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		71		71	Không trúng tuyển	
311	TD668	Trần Nguyễn Vĩnh Nghi	21/10/1999	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		70		70	Không trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
312	TD731	Nguyễn Minh Hiếu	24/12/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		69.5		69.5	Không trúng tuyển	
313	TD1205	Phạm Ngọc Trung	25/05/1994	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		67.5		67.5	Không trúng tuyển	
314	TD641	Nguyễn Hồng Phúc	15/09/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		67		67	Không trúng tuyển	
315	TD189	Trần Văn Quốc	20/02/1991	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		65		65	Không trúng tuyển	
316	TD615	Cao Minh Nam	11/07/1992	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		65		65	Không trúng tuyển	
317	TD818	Phạm Thị Thúy Liễu	16/08/2001	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		65		65	Không trúng tuyển	
318	TD1241	Lê Thị Hương Tín	06/02/1993	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		65		65	Không trúng tuyển	
319	TD280	Dương Nguyễn Yến Khoa	04/10/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		64.5		64.5	Không trúng tuyển	
320	TD793	Trần Thành Thống	31/12/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		64		64	Không trúng tuyển	
321	TD533	Hứa Khắc Bảo	15/04/1996	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	58.5	5	63.5	Không trúng tuyển	
322	TD760	Vũ Lỗ Hương Giang	01/10/2001	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		63		63	Không trúng tuyển	
323	TD878	Hồ Quốc Thanh	28/05/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		63		63	Không trúng tuyển	
324	TD331	Nguyễn Chế Linh	07/10/1999	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		62.5		62.5	Không trúng tuyển	
325	TD319	Lê Thị Kim Hương	26/07/1993	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		61.5		61.5	Không trúng tuyển	
326	TD594	Nguyễn Ngọc Quý	15/05/1991	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		61		61	Không trúng tuyển	
327	TD488	Ngô Nguyễn Quốc Bảo	20/08/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		60.5		60.5	Không trúng tuyển	
328	TD672	Nguyễn Thiện Minh	20/12/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		60.5		60.5	Không trúng tuyển	
329	TD562	Đoàn Đình Đạm	14/10/1995	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		60		60	Không trúng tuyển	
330	TD607	Nguyễn Phúc Tiến	03/11/1997	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		60		60	Không trúng tuyển	
331	TD942	Nguyễn Thị Ngọc Hà	02/09/1989	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		60		60	Không trúng tuyển	
332	TD1100	Dương Phùng Vũ	27/03/1999	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		60		60	Không trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
333	TD777	Trần Quang Phú	14/02/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		59.5		59.5	Không trúng tuyển	
334	TD513	Phạm Lê Quốc Trạng	10/12/1993	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		59		59	Không trúng tuyển	
335	TD605	Tô Trọng Nhân	30/04/1997	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		58.5		58.5	Không trúng tuyển	
336	TD650	Châu Pha	26/03/2001	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		58.5		58.5	Không trúng tuyển	
337	TD589	Mai Trần An Hòa	26/06/1999	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		57		57	Không trúng tuyển	
338	TD941	Từ Hữu Nguyên	15/02/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	52	5	57	Không trúng tuyển	
339	TD1086	Trần Phan Thế Lâm	17/10/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		57		57	Không trúng tuyển	
340	TD554	Trần Thị Tuyết Nga	30/04/1989	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		56.5		56.5	Không trúng tuyển	
341	TD452	Bùi Quốc Cường	12/10/1996	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		56		56	Không trúng tuyển	
342	TD547	Bùi Công Sơn	26/12/1990	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		56		56	Không trúng tuyển	
343	TD567	Lê Thị Tuyết Ngân	24/06/1997	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		56		56	Không trúng tuyển	
344	TD727	Văn Công Tài	04/10/1994	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		56		56	Không trúng tuyển	
345	TD919	Trần Lê Minh Tâm	10/03/1996	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		56		56	Không trúng tuyển	
346	TD1135	Phạm Ngọc Xuân Vy	11/09/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		56		56	Không trúng tuyển	
347	TD584	Phạm Đức Khánh	02/11/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		55.5		55.5	Không trúng tuyển	
348	TD649	Nguyễn Tấn Hiếu	13/04/1997	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		55.5		55.5	Không trúng tuyển	
349	TD1229	Bùi Diệu Linh	24/02/1998	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		55.5		55.5	Không trúng tuyển	
350	TD3	Đỗ Thị Thu Ngân	24/10/1999	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		55		55	Không trúng tuyển	
351	TD84	Phan Thị Thiên Trang	20/04/1995	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		55		55	Không trúng tuyển	
352	TD659	Phạm Tuấn Huy	11/05/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		55		55	Không trúng tuyển	
353	TD717	Phạm Mạnh Chính	02/11/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		55		55	Không trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
354	TD899	Nguyễn Ngọc Hiếu	22/03/1996	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		55		55	Không trúng tuyển	
355	TD990	Nguyễn Dương Phương Thành	09/10/1992	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		55		55	Không trúng tuyển	
356	TD1064	Lê Quỳnh Hương	18/01/1998	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		55		55	Không trúng tuyển	
357	TD1251	Nguyễn Hoàng Hải	20/01/1999	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		55		55	Không trúng tuyển	
358	TD419	Nguyễn Xuân Tính	07/12/1979	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		54		54	Không trúng tuyển	
359	TD450	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/08/1991	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		54		54	Không trúng tuyển	
360	TD908	Nguyễn Phúc Anh Khoa	18/11/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		54		54	Không trúng tuyển	
361	TD1233	Trần Trọng Nhân	01/06/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		54		54	Không trúng tuyển	
362	TD959	Nguyễn Xuân Việt	22/03/1992	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		53.5		53.5	Không trúng tuyển	
363	TD1225	Nguyễn Quốc Thái	15/09/1989	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		53.5		53.5	Không trúng tuyển	
364	TD752	Trần Phước Lộc	29/11/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		53		53	Không trúng tuyển	
365	TD927	Phạm Hoàng Duy	21/03/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		53		53	Không trúng tuyển	
366	TD1171	Ngô Nguyễn Ngọc Trâm	25/04/1996	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		53		53	Không trúng tuyển	
367	TD1176	Châu Huy	09/02/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	48	5	53	Không trúng tuyển	
368	TD964	Đồng Thị Mai Dung	29/01/1998	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		52.5		52.5	Không trúng tuyển	
369	TD441	Đỗ Thị Thanh Dung	18/02/1996	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		52		52	Không trúng tuyển	
370	TD758	Trần Bảo Hiên	22/10/1997	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		52		52	Không trúng tuyển	
371	TD1042	Phạm Văn Bình	02/10/1983	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		52		52	Không trúng tuyển	
372	TD1146	Nguyễn Phùng Hữu Trình	08/02/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		52		52	Không trúng tuyển	
373	TD902	Trần Thị Ngọc Yến	15/04/1989	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		51.5		51.5	Không trúng tuyển	
374	TD913	Cù Minh Khương	01/01/1989	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		51		51	Không trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
375	TD1047	Nguyễn Tiến Dũng	02/07/1999	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		51		51	Không trúng tuyển	
376	TD1060	Trương Anh Hào	05/05/1996	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		51		51	Không trúng tuyển	
377	TD1159	Phạm Nguyễn Hoàng Thịnh	04/01/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		51		51	Không trúng tuyển	
378	TD377	Võ Mỹ Duyên	15/09/1999	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50.5		50.5	Không trúng tuyển	
379	TD256	Đặng Thị Phương Thuận	13/12/1997	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50		50	Không trúng tuyển	
380	TD268	Phan Trung Hiếu	13/12/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50		50	Không trúng tuyển	
381	TD270	Huỳnh Nguyễn Phương Trang	11/02/1999	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50		50	Không trúng tuyển	
382	TD414	Nguyễn Thùy An	19/02/1999	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50		50	Không trúng tuyển	
383	TD446	Nguyễn Lê Quốc Bảo	18/02/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50		50	Không trúng tuyển	
384	TD688	Nguyễn Đức Thịnh	26/04/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50		50	Không trúng tuyển	
385	TD744	Nguyễn Thu Hà	13/10/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50		50	Không trúng tuyển	
386	TD806	Hoàng Thị Nguyên	14/10/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50		50	Không trúng tuyển	
387	TD883	Hồ Thị Ngọc Hoa	21/02/1996	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50		50	Không trúng tuyển	
388	TD1037	Nguyễn Thị Huế	04/02/1995	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50		50	Không trúng tuyển	
389	TD1080	Võ Ngọc Uyên Thư	28/08/1993	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50		50	Không trúng tuyển	
390	TD1103	Lê Thị Hoa Phương	08/02/1999	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50		50	Không trúng tuyển	
391	TD1104	Lê Thị Thu Hà	15/10/1994	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50		50	Không trúng tuyển	
392	TD1131	Trần Kiến Năng	22/10/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	45	5	50	Không trúng tuyển	
393	TD1152	Nguyễn Thị Ngoan	26/11/1995	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50		50	Không trúng tuyển	
394	TD413	Nguyễn Thị Lệ Uyên	19/05/1993	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		49		49	Không trúng tuyển	
395	TD287	Nghiêm Thị Xuân Hiền	14/06/1986	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		48.5		48.5	Không trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
396	TD373	Võ Văn Hóa	01/01/1999	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		48.5		48.5	Không trúng tuyển	
397	TD564	Nguyễn Trung Hiếu	26/11/1991	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		48.5		48.5	Không trúng tuyển	
398	TD568	Đặng Văn Hiền Ngoan	13/09/1994	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		48		48	Không trúng tuyển	
399	TD867	Phạm Nguyễn Đăng Huy	14/08/1997	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		48		48	Không trúng tuyển	
400	TD937	Phạm Duy Thor	24/09/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		48		48	Không trúng tuyển	
401	TD996	Trần Trung Thiện	23/07/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		48		48	Không trúng tuyển	
402	TD1211	Nguyễn Thành Nghĩa	16/01/1997	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		48		48	Không trúng tuyển	
403	TD418	Nguyễn Minh Thiện	26/02/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		47.5		47.5	Không trúng tuyển	
404	TD998	Bùi Bài Bình	19/09/1990	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		47		47	Không trúng tuyển	
405	TD1188	Võ Thị Ngọc Liễu	20/10/1992	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		47		47	Không trúng tuyển	
406	TD874	Phan Thị Thúy	21/09/1995	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		46.5		46.5	Không trúng tuyển	
407	TD1032	Lê Thị Thu Hằng	05/04/1995	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		46		46	Không trúng tuyển	
408	TD292	Nguyễn Ngọc Minh	25/06/1987	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		45.5		45.5	Không trúng tuyển	
409	TD12	Nguyễn Hải Yên Nhi	24/11/1998	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		45		45	Không trúng tuyển	
410	TD204	Giang Huệ Phương	10/10/1999	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	40	5	45	Không trúng tuyển	
411	TD837	Phạm Thế Sang	19/12/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		45		45	Không trúng tuyển	
412	TD1127	Nguyễn Việt Sử	18/12/1995	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		45		45	Không trúng tuyển	
413	TD620	Trần Ngọc Anh Thư	12/10/2001	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		44.5		44.5	Không trúng tuyển	
414	TD1069	Tăng Thành Đạt	12/01/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		44		44	Không trúng tuyển	
415	TD1114	Tạ Ngân Minh Khôi	27/09/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		44		44	Không trúng tuyển	
416	TD1010	Trần Ngọc Phú Sang	14/10/1997	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		43.5		43.5	Không trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
417	TD1112	Lưu Văn Khoa	17/02/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		43.5		43.5	Không trúng tuyển	
418	TD1121	Trương Minh Thắng	17/09/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		43.5		43.5	Không trúng tuyển	
419	TD198	Nguyễn Ngọc Bình	20/05/1994	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		40		40	Không trúng tuyển	
420	TD201	Đoàn Vũ Minh Nghĩa	29/05/1999	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		40		40	Không trúng tuyển	
421	TD228	Nguyễn Hoàng Sơn	28/06/1993	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		40		40	Không trúng tuyển	
422	TD272	Nguyễn Đặng Minh Huy	30/07/1995	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		40		40	Không trúng tuyển	
423	TD802	Nguyễn Hoàng Khải	11/02/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		40		40	Không trúng tuyển	
424	TD811	Tô Dương Nhật Hạ	31/05/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		40		40	Không trúng tuyển	
425	TD850	Nguyễn Thị Như Thảo	09/10/1998	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		40		40	Không trúng tuyển	
426	TD1011	Phan Phú Quý	16/08/1999	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		38		38	Không trúng tuyển	
427	TD50	Lê Văn Mạnh	17/05/1991	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	30	5	35	Không trúng tuyển	
428	TD295	Nguyễn Thị Quỳnh Như	13/08/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
429	TD415	Nguyễn Thái Nhi	17/12/1993	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
430	TD860	Nguyễn Duy Tuấn	07/07/1987	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
431	TD877	Ngô Ngọc Thảo Anh	01/11/1998	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
432	TD1111	Nguyễn Mỹ Huyền	08/04/1997	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
433	TD1173	Phạm Thị Thuỳ Linh	25/05/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
434	TD1242	Võ Tấn Dũng	10/06/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
435	TD1264	Lý Kiều Văn	20/07/1997	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
436	TD897	Nguyễn Thanh Vân	13/04/1998	Nữ	Văn thư (Văn thư viên trung cấp, mã số: 02.008)		91		91	Trúng tuyển	
437	TD537	Nguyễn Mai Phương Thảo	26/10/1993	Nữ	Văn thư (Văn thư viên trung cấp, mã số: 02.008)		77.5		77.5	Trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
438	TD1001	Nguyễn Văn Thành	12/03/1990	Nam	Văn thư (Văn thư viên, mã số: 02.007)		87.5		87.5	Trúng tuyển	
439	TD186	Võ Thị Minh Thuận	01/03/1991	Nữ	Văn thư (Văn thư viên, mã số: 02.007)		75		75	Trúng tuyển	
440	TD391	Đặng Thị Thanh Trúc	29/06/1992	Nữ	Văn thư (Văn thư viên, mã số: 02.007)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
441	TD585	Nguyễn Thanh Tú	27/02/1999	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		85		85	Trúng tuyển	
442	TD848	Trần Quốc Việt	07/08/1986	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		83.5		83.5	Trúng tuyển	
443	TD1277	Võ Ngọc Hoài Bảo	19/10/1999	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		83.5		83.5	Trúng tuyển	
444	TD755	Nguyễn Hoàng Minh Phương	29/09/2001	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		82		82	Trúng tuyển	
445	TD858	Mai Thị Kim Ngọc	11/08/1999	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		79.5		79.5	Trúng tuyển	
446	TD340	Nguyễn Thị Ngọc Linh	09/04/1996	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		75		75	Không trúng tuyển	
447	TD928	Đặng Thị Thu Hiền	03/05/1994	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		75		75	Không trúng tuyển	
448	TD10	Nguyễn Trần Ái Kỳ	02/04/1999	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		72		72	Không trúng tuyển	
449	TD740	Nguyễn Hiệp Thịnh	06/11/1997	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		71		71	Không trúng tuyển	
450	TD35	Võ Quang Phúc	23/01/1998	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		70		70	Không trúng tuyển	
451	TD713	Phạm Nguyên Chương	10/04/2001	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		70		70	Không trúng tuyển	
452	TD790	Mai Đoàn Quang Huy	30/07/2001	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		70		70	Không trúng tuyển	
453	TD708	Nguyễn Hữu Quang Tiến	21/06/1999	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	3	67	2.5	69.5	Không trúng tuyển	
454	TD692	Phan Tấn Lợi	17/07/1999	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		67		67	Không trúng tuyển	
455	TD658	Huỳnh Thị Ngọc Duyên	01/02/1999	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		65		65	Không trúng tuyển	
456	TD690	Lê Thị Mai	29/06/2001	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		65		65	Không trúng tuyển	
457	TD194	Tạ Hoàng Anh Khoa	16/10/1996	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		60.5		60.5	Không trúng tuyển	
458	TD721	Vũ Đình Hiếu	15/07/2000	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		60.5		60.5	Không trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
459	TD921	Phạm Trần Thanh Phương	19/02/1996	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		60		60	Không trúng tuyển	
460	TD742	Ngô Văn Tiến	15/10/1999	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		56		56	Không trúng tuyển	
461	TD1191	Nguyễn Thị Thanh Tuyết	05/03/2001	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		51		51	Không trúng tuyển	
462	TD16	Võ Thành Kim Ngân	31/05/2000	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50.5		50.5	Không trúng tuyển	
463	TD4	Quách Trí Minh	30/11/2000	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	41	5	46	Không trúng tuyển	
464	TD1218	Nguyễn Đức Anh	08/12/2000	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		45.5		45.5	Không trúng tuyển	
465	TD1243	Nguyễn Thị Lệ Hằng	05/07/1996	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		45		45	Không trúng tuyển	
466	TD455	Nguyễn Đăng Hoàng Vũ	22/04/1998	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		44.5		44.5	Không trúng tuyển	
467	TD539	Vũ Đông Dương	22/07/1999	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		44		44	Không trúng tuyển	
468	TD784	Mai Hữu Tuấn	16/08/2000	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		44		44	Không trúng tuyển	
469	TD458	Nguyễn Hữu Phát	19/11/2000	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		43.5		43.5	Không trúng tuyển	
470	TD266	Lê Thị Ánh Tuyết	15/09/1996	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		43		43	Không trúng tuyển	
471	TD506	Nguyễn Thanh	25/07/1997	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		43		43	Không trúng tuyển	
472	TD782	Trần Minh Hy	26/03/1999	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		43		43	Không trúng tuyển	
473	TD1045	Đỗ Diệu Linh	12/09/1996	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		43		43	Không trúng tuyển	
474	TD445	Nguyễn Thị Kiều Liên	02/01/1997	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		42.5		42.5	Không trúng tuyển	
475	TD646	Trương Hoàng Hải	19/06/1985	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		42.5		42.5	Không trúng tuyển	
476	TD376	Nguyễn Anh Khoa	18/09/1998	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		42		42	Không trúng tuyển	
477	TD864	Lê Nguyên Khoa	18/01/2001	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		42		42	Không trúng tuyển	
478	TD1249	Nguyễn Si My	27/06/1996	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		41.5		41.5	Không trúng tuyển	
479	TD251	Nguyễn Thị Cẩm Tú	29/01/1997	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		41		41	Không trúng tuyển	

STT	Mã dự tuyển	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(11)	(12)	(13)	(14)
480	TD612	Đỗ Thùy Linh	20/06/1986	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		41		41	Không trúng tuyển	
481	TD656	Mai Thành Nguyên	17/04/1998	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		41		41	Không trúng tuyển	
482	TD841	Huỳnh Thị Hương Giang	30/07/1994	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		41		41	Không trúng tuyển	
483	TD939	Võ Thị Tường Vy	20/07/2001	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		40		40	Không trúng tuyển	
484	TD997	Nguyễn Văn Thanh	15/12/2001	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		40		40	Không trúng tuyển	
485	TD485	Trương Quỳnh Như	26/08/1998	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		39.5		39.5	Không trúng tuyển	
486	TD1178	Bạch Cẩm Vân	17/08/2001	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		39.5		39.5	Không trúng tuyển	
487	TD1279	Phan Tường Vi	15/03/1996	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		39.5		39.5	Không trúng tuyển	
488	TD678	Nguyễn Thanh Tuyền	05/10/2000	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		35.5		35.5	Không trúng tuyển	
489	TD224	Lê Văn Tâm	30/12/1996	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		31		31	Không trúng tuyển	
490	TD230	Nguyễn Thị Tiên	12/06/1993	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		31		31	Không trúng tuyển	
491	TD552	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	05/08/1995	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		30.5		30.5	Không trúng tuyển	
492	TD783	Đặng Linh Chi	03/04/2000	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
493	TD1073	Nguyễn Thị Hoài Phương	10/08/1998	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
494	TD1123	Trần Mỹ Duyên	17/10/2000	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
495	TD1257	Lê Nguyễn Minh Khôi	09/03/2001	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	
496	TD1262	Lê Hoài Trung	26/08/1997	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng	Không trúng tuyển	

Tổng danh sách có 496 thí sinh./.

- Ghi chú:
Diện ưu tiên:
1) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B.
2) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng
3) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong.